



Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5212.24	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
	5212.25	- - Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
CHƯƠNG 53		XƠ DỆT GÓC THỰC VẬT KHÁC; SỢI GIẤY VÀ VẢI DỆT THOI TỪ SỢI GIẤY <u>Chú thích Chương:</u> Trong phạm vi Chương này, nếu yêu cầu xuất xứ của sản phẩm dựa trên công đoạn nhuộm, in và ít nhất hai công đoạn hoàn thiện sản phẩm tiếp theo, công đoạn giặt hoặc công đoạn sấy không được coi là công đoạn hoàn thiện. Danh mục các công đoạn hoàn thiện áp dụng cho sản phẩm dệt may được quy định kèm theo tại Phụ lục này.	
53.01		Lanh, dạng nguyên liệu thô hoặc đã chế biến nhưng chưa kéo thành sợi; tơ (tow) lanh và phế liệu lanh (kể cả phế liệu sợi và sợi tái chế).	
	5301.10	- Lanh, dạng nguyên liệu thô hoặc đã ngâm	RVC(40) hoặc CC
		- Lanh, đã tách lõi, đã đập, đã chải hoặc gia công bằng cách khác, nhưng chưa kéo thành sợi:	
	5301.21	- - Đã tách lõi hoặc đã đập	RVC(40) hoặc CC
	5301.29	- - Loại khác	RVC(40) hoặc CC
	5301.30	- Tơ (tow) lanh hoặc phế liệu lanh	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
53.02		Gai dầu (Cannabis sativa L.), dạng nguyên liệu thô hoặc đã chế biến nhưng chưa kéo thành sợi; tô (tow) và phế liệu gai dầu (kể cả phế liệu sợi và sợi tái chế).	
	5302.10	- Gai dầu, dạng nguyên liệu thô hoặc đã ngâm	RVC(40) hoặc CC
	5302.90	- Loại khác	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ
53.03		Đay và các loại xơ libe dệt khác (trừ lanh, gai dầu và gai ramie), dạng nguyên liệu thô hoặc đã chế biến nhưng chưa kéo thành sợi; tô (tow) và phế liệu của các loại xơ này (kể cả phế liệu sợi và sợi tái chế).	
	5303.10	- Đay và các loại xơ libe dệt khác, dạng nguyên liệu thô hoặc đã ngâm	RVC(40) hoặc CC
	5303.90	- Loại khác	Sản phẩm thuộc phân nhóm này có xuất xứ tại nước thành viên nơi thu được sản phẩm này từ việc sản xuất hoặc tiêu thụ
53.05	5305.00	Xơ dừa, xơ chuối abaca (Manila hemp hoặc Musa textilis Nee), xơ gai ramie và xơ dệt gốc thực vật khác, chưa được ghi hoặc chi tiết ở nơi khác hoặc kể cả, thô hoặc đã chế biến nhưng chưa kéo thành sợi; tô (tow), xơ vụn và phế liệu của các loại xơ này (kể cả phế liệu sợi và sợi tái chế).	RVC(40) hoặc CC
53.06		Sợi lanh.	
	5306.10	- Sợi đơn	CTH
	5306.20	- Sợi xe (folded) hoặc sợi cáp	CTH
53.07		Sợi đay hoặc sợi từ các loại xơ libe dệt khác thuộc nhóm 53.03.	
	5307.10	- Sợi đơn	CTH
	5307.20	- Sợi xe (folded) hoặc sợi cáp	CTH
53.08		Sợi từ các loại xơ dệt gốc thực vật khác; sợi giấy.	
	5308.10	- Sợi dừa	CTH

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	5308.20	- Sợi gai dầu	CTH
	5308.90	- Loại khác:	CTH
53.09		Vải dệt thoi từ sợi lanh.	
		- Có hàm lượng lanh chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng:	
	5309.11	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5309.19	- - Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Có hàm lượng lanh chiếm dưới 85% tính theo khối lượng:	
	5309.21	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5309.29	- - Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
53.10		Vải dệt thoi từ sợi đay hoặc từ các loại xơ libe dệt khác thuộc nhóm 53.03.	
	5310.10	- Chưa tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5310.90	- Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
53.11	5311.00	Vải dệt thoi từ các loại sợi dệt gốc thực vật khác; vải dệt thoi từ sợi giấy.	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
CHƯƠNG 54		SỢI FILAMENT NHÂN TẠO; DẢI VÀ CÁC DẠNG TƯƠNG TỰ TỪ NGUYÊN LIỆU DỆT NHÂN TẠO <u>Chú thích Chương:</u> Trong phạm vi Chương này, nếu yêu cầu xuất xứ của sản phẩm dựa trên công đoạn nhuộm, in và ít nhất hai công đoạn hoàn thiện sản phẩm tiếp theo, công đoạn giặt hoặc công đoạn sấy không được coi là công đoạn hoàn thiện. Danh mục các công đoạn hoàn thiện áp dụng cho sản phẩm dệt may được quy định kèm theo tại Phụ lục này.	
54.01		Chỉ khâu làm từ sợi filament nhân tạo, đã hoặc chưa đóng gói để bán lẻ.	
	5401.10	- Từ sợi filament tổng hợp	CC
	5401.20	- Từ sợi filament tái tạo	CC
54.02		Sợi filament tổng hợp (trừ chỉ khâu), chưa đóng gói để bán lẻ, kể cả sợi monofilament tổng hợp có độ mảnh dưới 67 decitex.	
		- Sợi có độ bền cao làm từ ni lông hoặc các polyamit khác, đã hoặc chưa làm dún:	
	5402.11	- - Từ các aramit	CC
	5402.19	- - Loại khác	CC

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	5402.20	- Sợi có độ bền cao làm từ polyeste, đã hoặc chưa làm dún	CC
		- Sợi dún:	
	5402.31	- - Từ ni lông hoặc các polyamit khác, độ mảnh mỗi sợi đơn không quá 50 tex	CC
	5402.32	- - Từ ni lông hoặc các polyamit khác, độ mảnh mỗi sợi đơn trên 50 tex	CC
	5402.33	- - Từ các polyeste	CC
	5402.34	- - Từ polypropylen	CC
	5402.39	- - Loại khác	CC
		- Sợi khác, đơn, không xoắn hoặc xoắn không quá 50 vòng xoắn trên mét:	
	5402.44	- - Từ nhựa đàn hồi	RVC(40) hoặc CC
	5402.45	- - Loại khác, từ ni lông hoặc từ các polyamit khác	CC
	5402.46	- - Loại khác, từ các polyeste, được định hướng một phần	CC
	5402.47	- - Loại khác, từ các polyeste	CC
	5402.48	- - Loại khác, từ polypropylen	CC
	5402.49	- - Loại khác	CC
		- Sợi khác, đơn, xoắn trên 50 vòng xoắn trên mét:	
	5402.51	- - Từ ni lông hoặc các polyamit khác	CC
	5402.52	- - Từ các polyeste	CC
	5402.53	- - Từ polypropylen	CC
	5402.59	- - Loại khác	CC
		- Sợi khác, sợi xe (folded) hoặc sợi cáp:	
	5402.61	- - Từ ni lông hoặc các polyamit khác	CC
	5402.62	- - Từ các polyeste	CC
	5402.63	- - Từ polypropylen	CC
	5402.69	- - Loại khác	CC
54.03		Sợi filament tái tạo (trừ chỉ khâu), chưa đóng gói để bán lẻ, kể cả sợi monofilament tái tạo có độ mảnh dưới 67 decitex.	
	5403.10	- Sợi có độ bền cao từ viscose rayon	CC
		- Sợi khác, đơn:	
	5403.31	- - Từ viscose rayon, không xoắn hoặc xoắn không quá 120 vòng xoắn trên mét	CC
	5403.32	- - Từ viscose rayon, xoắn trên 120 vòng xoắn trên mét	CC

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	5403.33	- - Từ xenlulo axetat	CC
	5403.39	- - Loại khác	CC
		- Sợi khác, sợi xe (folded) hoặc sợi cáp:	
	5403.41	- - Từ viscose rayon	CC
	5403.42	- - Từ xenlulo axetat	CC
	5403.49	- - Loại khác	CC
54.04		Sợi monofilament tổng hợp có độ mảnh từ 67 decitex trở lên và kích thước mặt cắt ngang không quá 1 mm; dài và dạng tương tự (ví dụ, sợi rơm nhân tạo) từ vật liệu dệt tổng hợp có chiều rộng bề mặt không quá 5 mm.	
		- Sợi monofilament:	
	5404.11	- - Từ nhựa đàn hồi	RVC(40) hoặc CC
	5404.12	- - Loại khác, từ polypropylen	CC
	5404.19	- - Loại khác	CC
	5404.90	- Loại khác	CC
54.05	5405.00	Sợi monofilament tái tạo có độ mảnh từ 67 decitex trở lên và kích thước mặt cắt ngang không quá 1 mm; dài và dạng tương tự (ví dụ, sợi rơm nhân tạo) từ vật liệu dệt tái tạo có chiều rộng bề mặt không quá 5 mm.	CC
54.06	5406.00	Sợi filament nhân tạo (trừ chỉ khâu), đã đóng gói để bán lẻ.	CC
54.07		Vải dệt thoi bằng sợi filament tổng hợp, kể cả vải dệt thoi thu được từ các nguyên liệu thuộc nhóm 54.04.	
	5407.10	- Vải dệt thoi từ sợi có độ bền cao bằng ni lông hoặc các polyamit hoặc các polyeste khác:	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5407.20	- Vải dệt thoi từ dải hoặc dạng tương tự	CTH

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	5407.30	- Vải dệt thoi đã được nêu ở Chú giải 9 Phần XI	CTH
		- Vải dệt thoi khác, có hàm lượng sợi filament bằng ni lông hoặc các polyamit khác chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng:	
	5407.41	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5407.42	- - Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5407.43	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
	5407.44	- - Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Vải dệt thoi khác, có hàm lượng sợi filament polyester dún chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng:	
	5407.51	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5407.52	- - Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5407.53	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
	5407.54	- - Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Vải dệt thoi khác, có hàm lượng sợi filament polyeste chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng:	
	5407.61	- - Có hàm lượng sợi filament polyeste không dún chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5407.69	- - Loại khác	CTH
		- Vải dệt thoi khác, có hàm lượng sợi filament tổng hợp chiếm từ 85% trở lên	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		tính theo khối lượng:	
	5407.71	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5407.72	- - Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5407.73	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
	5407.74	- - Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Vải dệt thoi khác, có hàm lượng sợi filament tổng hợp chiếm dưới 85% tính theo khối lượng, được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông:	
	5407.81	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5407.82	- - Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5407.83	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
	5407.84	- - Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Vải dệt thoi khác:	
	5407.91	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5407.92	- - Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5407.93	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
	5407.94	- - Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
54.08		Vải dệt thoi bằng sợi filament tái tạo, kể cả vải dệt thoi thu được từ các nguyên liệu thuộc nhóm 54.05.	
	5408.10	- Vải dệt thoi bằng sợi có độ bền cao viscose rayon:	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Vải dệt thoi khác, có hàm lượng sợi filament tái tạo hoặc dải hoặc dạng tương tự chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng:	
	5408.21	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5408.22	- - Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5408.23	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
	5408.24	- - Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Vải dệt thoi khác:	
	5408.31	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5408.32	- - Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5408.33	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
	5408.34	- - Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
CHƯƠNG 55		XƠ SỢI STAPLE NHÂN TẠO	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		<i>Chú thích Chương:</i> Trong phạm vi Chương này, nếu yêu cầu xuất xứ của sản phẩm dựa trên công đoạn nhuộm, in và ít nhất hai công đoạn hoàn thiện sản phẩm tiếp theo, công đoạn giặt hoặc công đoạn sấy không được coi là công đoạn hoàn thiện. Danh mục các công đoạn hoàn thiện áp dụng cho sản phẩm dệt may được quy định kèm theo tại Phụ lục này.	
55.01		Tô (tow) filament tổng hợp.	
		- Từ ni lông hoặc từ các polyamit khác:	
	5501.11	- - Từ các aramit	RVC(40) hoặc CC
	5501.19	- - Loại khác	RVC(40) hoặc CC
	5501.20	- Từ các polyeste	RVC(40) hoặc CC
	5501.30	- Từ acrylic hoặc modacrylic	RVC(40) hoặc CC
	5501.40	- Từ polypropylen	RVC(40) hoặc CC
	5501.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CC
55.02		Tô (tow) filament tái tạo.	
	5502.10	- Từ xenlulo axetat	RVC(40) hoặc CC
	5502.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CC
55.03		Xơ staple tổng hợp, chưa chải thô, chưa chải kỹ hoặc chưa gia công cách khác để kéo sợi.	
		- Từ ni lông hoặc từ các polyamit khác:	
	5503.11	- - Từ các aramit	RVC(40) hoặc CC
	5503.19	- - Loại khác	RVC(40) hoặc CC
	5503.20	- Từ các polyeste	RVC(40) hoặc CC
	5503.30	- Từ acrylic hoặc modacrylic	RVC(40) hoặc CC
	5503.40	- Từ polypropylen	RVC(40) hoặc CC
	5503.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CC
55.04		Xơ staple tái tạo, chưa chải thô, chưa chải kỹ hoặc chưa gia công cách khác để kéo sợi.	
	5504.10	- Từ viscose rayon	RVC(40) hoặc CC
	5504.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CC
55.05		Phế liệu (kể cả phế liệu xơ, phế liệu sợi và nguyên liệu tái chế) từ xơ nhân tạo.	
	5505.10	- Từ các xơ tổng hợp	RVC(40) hoặc CTH
	5505.20	- Từ các xơ tái tạo	RVC(40) hoặc CTH
55.06		Xơ staple tổng hợp, đã chải thô, chải kỹ hoặc gia công cách khác để kéo sợi.	
	5506.10	- Từ ni lông hoặc các polyamit khác	RVC(40) hoặc CC
	5506.20	- Từ các polyeste	RVC(40) hoặc CC
	5506.30	- Từ acrylic hoặc modacrylic	RVC(40) hoặc CC
	5506.40	- Từ polypropylen	RVC(40) hoặc CC

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	5506.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CC
55.07	5507.00	Xơ staple tái tạo, đã chải thô, chải kỹ hoặc gia công cách khác để kéo sợi.	RVC(40) hoặc CC
55.08		Chỉ khâu làm từ xơ staple nhân tạo, đã hoặc chưa đóng gói để bán lẻ.	
	5508.10	- Từ xơ staple tổng hợp	CTH
	5508.20	- Từ xơ staple tái tạo	CTH
55.09		Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple tổng hợp, chưa đóng gói để bán lẻ.	
		- Có hàm lượng xơ staple bằng ni lông hoặc các polyamit khác chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng:	
	5509.11	- - Sợi đơn	CTH
	5509.12	- - Sợi xe (folded) hoặc sợi cáp	CTH
		- Có hàm lượng xơ staple polyeste chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng:	
	5509.21	- - Sợi đơn	CTH
	5509.22	- - Sợi xe (folded) hoặc sợi cáp	CTH
		- Có hàm lượng xơ staple bằng acrylic hoặc modacrylic chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng:	
	5509.31	- - Sợi đơn	CTH
	5509.32	- - Sợi xe (folded) hoặc sợi cáp	CTH
		- Sợi khác, có hàm lượng xơ staple tổng hợp chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng:	
	5509.41	- - Sợi đơn	CTH
	5509.42	- - Sợi xe (folded) hoặc sợi cáp	CTH
		- Sợi khác, từ xơ staple polyeste:	
	5509.51	- - Được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với xơ staple tái tạo	CTH
	5509.52	- - Được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CTH
	5509.53	- - Được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông	CTH
	5509.59	- - Loại khác	CTH
		- Sợi khác, từ xơ staple bằng acrylic hoặc modacrylic:	
	5509.61	- - Được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CTH
	5509.62	- - Được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất	CTH

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		với bông	
	5509.69	- - Loại khác	CTH
		- Sợi khác:	
	5509.91	- - Được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CTH
	5509.92	- - Được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông	CTH
	5509.99	- - Loại khác	CTH
55.10		Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple tái tạo, chưa đóng gói để bán lẻ.	
		- Có hàm lượng xơ staple tái tạo chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng:	
	5510.11	- - Sợi đơn	CTH
	5510.12	- - Sợi xe (folded) hoặc sợi cáp	CTH
	5510.20	- Sợi khác, được pha chủ yếu hoặc duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CTH
	5510.30	- Sợi khác, được pha chủ yếu hoặc duy nhất với bông	CTH
	5510.90	- Sợi khác	CTH
55.11		Sợi (trừ chỉ khâu) từ xơ staple nhân tạo, đã đóng gói để bán lẻ.	
	5511.10	- Từ xơ staple tổng hợp, có hàm lượng loại xơ này chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng	CTH, ngoại trừ từ 5509 hoặc 5510
	5511.20	- Từ xơ staple tổng hợp, có hàm lượng loại xơ này chiếm dưới 85% tính theo khối lượng:	CTH, ngoại trừ từ 5509 hoặc 5510
	5511.30	- Từ xơ staple tái tạo	CTH, ngoại trừ từ 5509 hoặc 5510
55.12		Các loại vải dệt thoi từ xơ staple tổng hợp, có hàm lượng loại xơ này chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng.	
		- Có hàm lượng xơ staple polyester chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng:	
	5512.11	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5512.19	- - Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Có hàm lượng xơ staple bằng acrylic hoặc modacrylic chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng:	
	5512.21	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5512.29	- - Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Loại khác:	
	5512.91	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5512.99	- - Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
55.13		Vải dệt thoi bằng xơ staple tổng hợp, có hàm lượng loại xơ này chiếm dưới 85% tính theo khối lượng, pha chủ yếu hoặc	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		pha duy nhất với bông, định lượng không quá 170 g/m².	
		- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng:	
	5513.11	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	RVC(40) hoặc CTH
	5513.12	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	RVC(40) hoặc CTH
	5513.13	- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	RVC(40) hoặc CTH
	5513.19	- - Vải dệt thoi khác	RVC(40) hoặc CTH
		- Đã nhuộm:	
	5513.21	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5513.23	- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5513.29	- - Vải dệt thoi khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Từ các sợi có các màu khác nhau:	
	5513.31	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	RVC(40) hoặc CTH
	5513.39	- - Vải dệt thoi khác	RVC(40) hoặc CTH
		- Đã in:	
	5513.41	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5513.49	- - Vải dệt thoi khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
55.14		Vải dệt thoi bằng xơ staple tổng hợp, có hàm lượng loại xơ này chiếm dưới 85% tính theo khối lượng, pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông, định lượng trên 170 g/m2.	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		- Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng:	
	5514.11	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	RVC(40) hoặc CTH
	5514.12	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	RVC(40) hoặc CTH
	5514.19	- - Vải dệt thoi khác	RVC(40) hoặc CTH
		- Đã nhuộm:	
	5514.21	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5514.22	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5514.23	- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5514.29	- - Vải dệt thoi khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5514.30	- Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
		- Đã in:	
	5514.41	- - Từ xơ staple polyeste, dệt vân điểm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5514.42	- - Vải vân chéo 3 sợi hoặc vân chéo 4 sợi, kể cả vải vân chéo chữ nhân, từ xơ staple polyeste	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5514.43	- - Vải dệt thoi khác từ xơ staple polyeste	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5514.49	- - Vải dệt thoi khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
55.15		Các loại vải dệt thoi khác từ xơ staple tổng hợp.	
		- Từ xơ staple polyeste:	
	5515.11	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với xơ staple viscose rayon	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5515.12	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5515.13	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CTH
	5515.19	- - Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Từ xơ staple bằng acrylic hoặc modacrylic:	
	5515.21	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5515.22	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CTH
	5515.29	- - Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Vải dệt thoi khác:	
	5515.91	- - Pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5515.99	- - Loại khác	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
55.16		Vải dệt thoi từ xơ staple tái tạo.	
		- Có hàm lượng xơ staple tái tạo chiếm từ 85% trở lên tính theo khối lượng:	
	5516.11	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5516.12	- - Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5516.13	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
	5516.14	- - Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Có hàm lượng xơ staple tái tạo chiếm dưới 85% tính theo khối lượng, được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với sợi filament nhân tạo:	
	5516.21	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5516.22	- - Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5516.23	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
	5516.24	- - Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Có hàm lượng xơ staple tái tạo chiếm dưới 85% tính theo khối lượng, được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:	
	5516.31	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5516.32	- - Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			dùng được ngay
	5516.33	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
	5516.34	- - Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Có hàm lượng xơ staple tái tạo chiếm dưới 85% tính theo khối lượng, được pha chủ yếu hoặc pha duy nhất với bông:	
	5516.41	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5516.42	- - Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5516.43	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
	5516.44	- - Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
		- Loại khác:	
	5516.91	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	RVC(40) hoặc CTH
	5516.92	- - Đã nhuộm	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5516.93	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	RVC(40) hoặc CTH
	5516.94	- - Đã in	CTH hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
CHƯƠNG 56		MÈN XƠ, PHÓT VÀ CÁC SẢN PHẨM KHÔNG DỆT; CÁC LOẠI SỢI ĐẶC BIỆT; SỢI XE, CHẢO BỀN (CORDAGE), THÙNG VÀ CÁP VÀ CÁC SẢN PHẨM CỦA CHÚNG	
56.01		Mền xơ bằng vật liệu dệt và các sản phẩm của nó; các loại xơ dệt, chiều dài không quá 5 mm (xơ vụn), bụi xơ và kết xơ (neps).	
		- Mền xơ từ vật liệu dệt và các sản phẩm của nó:	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	5601.21	- - Từ bông	CC
	5601.22	- - Từ xơ nhân tạo	CC
	5601.29	- - Loại khác	CC
	5601.30	- Xơ vụn và bụi xơ và kết xơ	CC
56.02		Phốt, ni đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp.	
	5602.10	- Phốt, ni xuyên kim và vải khâu đính	CC
		- Phốt, ni khác, chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép lớp:	
	5602.21	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
	5602.29	- - Từ các vật liệu dệt khác	CC
	5602.90	- Loại khác	CC
56.03		Các sản phẩm không dệt, đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng phủ hoặc ép lớp.	
		- Bằng filament nhân tạo:	
	5603.11	- - Định lượng không quá 25 g/m ²	CC
	5603.12	- - Định lượng trên 25 g/m ² nhưng không quá 70 g/m ²	CC
	5603.13	- - Định lượng trên 70 g/m ² nhưng không quá 150 g/m ²	CC
	5603.14	- - Định lượng trên 150 g/m ²	CC
		- Loại khác:	
	5603.91	- - Định lượng không quá 25 g/m ²	CC
	5603.92	- - Định lượng trên 25 g/m ² nhưng không quá 70 g/m ²	CC
	5603.93	- - Định lượng trên 70 g/m ² nhưng không quá 150 g/m ²	CC
	5603.94	- - Định lượng trên 150 g/m ²	CC
56.04		Chỉ cao su và sợi (cord) cao su, được bọc bằng vật liệu dệt; sợi dệt, và dải và dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, đã ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc bao ngoài bằng cao su hoặc plastic.	
	5604.10	- Chỉ cao su và sợi (cord) cao su, được bọc bằng vật liệu dệt	RVC(40) hoặc CC
	5604.90	- Loại khác:	RVC(40) hoặc CC
56.05	5605.00	Sợi trộn kim loại, có hoặc không quấn bọc, là loại sợi dệt, hoặc dải hoặc dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, được kết hợp với kim loại ở dạng dây,	CC

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		dải hoặc bột hoặc phủ bằng kim loại.	
56.06	5606.00	Sợi cuốn bọc, và dải và dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, đã quấn bọc (trừ các loại thuộc nhóm 56.05 và sợi quấn bọc lông đuôi hoặc bờm ngựa); sợi sơnin (chenille) (kể cả sợi sơnin xù); sợi sùi vòng.	CC
56.07		Dây xe, chảo bện (cordage), thừng và cáp, đã hoặc chưa tết hoặc bện và đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc bao ngoài bằng cao su hoặc plastic.	
		- Từ xidan (sisal) hoặc từ xơ dẹt khác của các cây thuộc chi cây thù (Agave):	
	5607.21	- - Dây xe để buộc hoặc đóng kiện	CC
	5607.29	- - Loại khác	CC
		- Từ polyetylen hoặc polypropylen:	
	5607.41	- - Dây xe để buộc hoặc đóng kiện	CC
	5607.49	- - Loại khác	RVC(40) hoặc CC
	5607.50	- Từ xơ tổng hợp khác	RVC(40) hoặc CC
	5607.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CC
56.08		Tấm lưới được thắt nút bằng sợi xe, chảo bện (cordage) hoặc thừng; lưới đánh cá và các loại lưới khác đã hoàn thiện, từ vật liệu dệt.	
		- Từ vật liệu dệt nhân tạo:	
	5608.11	- - Lưới đánh cá thành phẩm	RVC(40) hoặc CTH
	5608.19	- - Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
	5608.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CTH
56.09	5609.00	Các sản phẩm làm từ sợi, dải hoặc dạng tương tự thuộc nhóm 54.04 hoặc 54.05, dây xe, chảo bện (cordage), thừng hoặc cáp, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.	RVC(40) hoặc CTH
CHƯƠNG 57		THẨM VÀ CÁC LOẠI HÀNG DỆT TRẢI SÀN KHÁC	
57.01		Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác, thắt nút, đã hoặc chưa hoàn thiện.	
	5701.10	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
	5701.90	- Từ các vật liệu dệt khác	CC
57.02		Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác, dệt thoi, không tạo búi hoặc phủ xơ vụn, đã hoặc chưa hoàn thiện, kể cả thảm “Kelem”, “Schumacks”, “Karamanie”	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		và các loại thảm dệt thoi thủ công tương tự.	
	5702.10	- Thảm “Kelem”, “Schumacks”, “Karamanie” và các loại thảm dệt thoi thủ công tương tự	CC
	5702.20	- Hàng trải sàn từ xơ dừa (coir)	CC
		- Loại khác, có cấu tạo nổi vòng, chưa hoàn thiện:	
	5702.31	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
	5702.32	- - Từ các vật liệu dệt nhân tạo	CC
	5702.39	- - Từ các vật liệu dệt khác	CC
		- Loại khác, có cấu tạo nổi vòng, đã hoàn thiện:	
	5702.41	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
	5702.42	- - Từ vật liệu dệt nhân tạo	CC
	5702.49	- - Từ các vật liệu dệt khác	CC
	5702.50	- Loại khác, không có cấu tạo nổi vòng, chưa hoàn thiện	CC
		- Loại khác, không có cấu tạo nổi vòng, đã hoàn thiện:	
	5702.91	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
	5702.92	- - Từ vật liệu dệt nhân tạo	CC
	5702.99	- - Từ các vật liệu dệt khác	CC
57.03		Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác (kể cả thảm cỏ), tạo búi, đã hoặc chưa hoàn thiện.	
	5703.10	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
		- Từ ni lông hoặc từ các polyamit khác:	
	5703.21	- - Thảm cỏ (turf)	CC
	5703.29	- - Loại khác	CC
		- Từ các vật liệu dệt nhân tạo khác:	
	5703.31	- - Thảm cỏ (turf)	CC
	5703.39	- - Loại khác	CC
	5703.90	- Từ các vật liệu dệt khác	CC
57.04		Thảm và các loại hàng dệt trải sàn khác, từ phốt, không tạo búi hoặc phủ xơ vụn, đã hoặc chưa hoàn thiện.	
	5704.10	- Các tấm để ghép, có diện tích bề mặt tối	CC, ngoại trừ từ 5602

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		đa là 0,3 m ²	
	5704.20	- Các tấm để ghép, có diện tích bề mặt tối đa trên 0,3 m ² nhưng không quá 1 m ²	CC, ngoại trừ từ 5602
	5704.90	- Loại khác	CC, ngoại trừ từ 5602
57.05	5705.00	Các loại thảm khác và các loại hàng dệt trải sàn khác, đã hoặc chưa hoàn thiện.	CC
CHƯƠNG 58		CÁC LOẠI VẢI DỆT THOI ĐẶC BIỆT; CÁC LOẠI VẢI DỆT TẠO BÚI; HÀNG REN; THẢM TRANG TRÍ; HÀNG TRANG TRÍ; HÀNG THÊU <i>Chú thích Chương:</i> Trong phạm vi Chương này, nếu yêu cầu xuất xứ của sản phẩm dựa trên công đoạn nhuộm, in và ít nhất hai công đoạn hoàn thiện sản phẩm tiếp theo, công đoạn giặt hoặc công đoạn sấy không được coi là công đoạn hoàn thiện. Danh mục các công đoạn hoàn thiện áp dụng cho sản phẩm dệt may được quy định kèm theo tại Phụ lục này.	
58.01		Các loại vải dệt nổi vòng và các loại vải sonin (chenille), trừ các loại vải thuộc nhóm 58.02 hoặc 58.06.	
	5801.10	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:	CC
		- Từ bông:	
	5801.21	- - Vải có sợi ngang nổi vòng không cắt	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5801.22	- - Nhung kẻ đã cắt	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5801.23	-- Vải có sợi ngang nổi vòng khác	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5801.26	-- Các loại vải sonin (chenille)	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5801.27	-- Vải có sợi dọc nổi vòng	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		- Từ xơ nhân tạo:	
	5801.31	- - Vải có sợi ngang nổi vòng không cắt	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5801.32	- - Nhung kẻ đã cắt	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5801.33	- - Vải có sợi ngang nổi vòng khác	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5801.36	- - Các loại vải sonin (chenille)	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5801.37	- - Vải có sợi dọc nổi vòng	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5801.90	- Từ các vật liệu dệt khác	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
58.02		Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06; các loại vải dệt tạo búi, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 57.03.	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	5802.10	- Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, từ bông	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5802.20	- Vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt thoi tạo vòng lông tương tự, từ các vật liệu dệt khác	CC hoặc làm từ vải đã được dệt thành hình nhưng chưa thực hiện các công đoạn tiếp theo hoặc chưa hoàn thiện với điều kiện vải này được nhuộm hoặc in và trải qua ít nhất hai công đoạn hoàn thiện tiếp theo tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên trước khi trở thành sản phẩm hoàn thiện có thể sử dụng được ngay
	5802.30	- Các loại vải dệt tạo búi	CC
58.03	5803.00	Vải dệt quần, trừ các loại vải khổ hẹp thuộc nhóm 58.06.	CC
58.04		Các loại vải tuyền và các loại vải dệt lưới khác, không bao gồm vải dệt thoi, dệt kim hoặc móc; hàng ren dạng mảnh, dạng dải hoặc dạng mẫu hoa văn, trừ các loại vải thuộc các nhóm từ 60.02 đến 60.06.	
	5804.10	- Vải tuyền và vải dệt lưới khác:	CC
		- Ren dệt bằng máy:	
	5804.21	- - Từ xơ nhân tạo	CC
	5804.29	- - Từ các vật liệu dệt khác	CC
	5804.30	- Ren làm bằng tay	CC
58.05	5805.00	Thảm trang trí dệt thoi thủ công theo kiểu Gobelins, Flanders, Aubusson,	CC

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		Beauvais và các kiểu tương tự, và các loại thảm trang trí thêu tay (ví dụ, thêu mũi nhỏ, thêu chữ thập), đã hoặc chưa hoàn thiện.	
58.06		Vải dệt thoi khô hẹp, trừ các loại hàng thuộc nhóm 58.07; vải khô hẹp gồm toàn sợi dọc không có sợi ngang liên kết với nhau bằng chất kết dính (bolducs).	
	5806.10	- Vải dệt thoi nổi vòng (kể cả vải khăn lông (terry) và các loại vải dệt nổi vòng tương tự) và vải dệt từ sợi sonin (chenille)	CC
	5806.20	- Vải dệt thoi khác, có hàm lượng sợi đàn hồi (elastomeric) hoặc sợi cao su chiếm từ 5% trở lên tính theo khối lượng	CC
		- Vải dệt thoi khác:	
	5806.31	- - Từ bông	CC
	5806.32	- - Từ xơ nhân tạo	CC
	5806.39	- - Từ các vật liệu dệt khác	CC
	5806.40	- Các loại vải dệt chỉ có sợi dọc không có sợi ngang liên kết với nhau bằng chất kết dính (bolducs)	CC
58.07		Các loại nhãn, phù hiệu và các mặt hàng tương tự từ vật liệu dệt, dạng chiếc, dạng dải hoặc đã cắt thành hình hoặc kích cỡ, không thêu.	
	5807.10	- Dệt thoi	CC
	5807.90	- Loại khác	CC
58.08		Các dải bện dạng chiếc; dải, mảnh trang trí dạng chiếc, không thêu, trừ loại dệt kim hoặc móc; tua, ngù và các mặt hàng tương tự.	
	5808.10	- Các dải bện dạng chiếc	CC
	5808.90	- Loại khác	CC
58.09	5809.00	Vải dệt thoi từ sợi kim loại và vải dệt thoi từ sợi trộn kim loại thuộc nhóm 56.05, sử dụng để trang trí, như các loại vải trang trí nội thất hoặc cho các mục đích tương tự, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.	CC
58.10		Hàng thêu dạng chiếc, dạng dải hoặc dạng theo mẫu hoa văn.	
	5810.10	- Hàng thêu không lộ nền	CTH

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		- Hàng thêu khác:	
	5810.91	- - Từ bông	CTH
	5810.92	- - Từ xơ nhân tạo	CTH
	5810.99	- - Từ các vật liệu dệt khác	CTH
58.11	5811.00	Các sản phẩm dệt đã khâu (quilted) dạng chiếc, bao gồm một hoặc nhiều lớp vật liệu dệt kết hợp với lớp đệm bằng cách khâu hoặc cách khác, trừ hàng thêu thuộc nhóm 58.10.	CTH
CHƯƠNG 59		CÁC LOẠI VẢI DỆT ĐÃ ĐƯỢC NGÂM TẮM, TRẮNG, PHỦ HOẶC ÉP LỚP; CÁC MẶT HÀNG DỆT THÍCH HỢP DÙNG TRONG CÔNG NGHIỆP	
59.01		Vải dệt được tráng gồm hoặc hồ tinh bột, dùng để bọc ngoài bì sách hoặc loại tương tự; vải can; vải canvas đã xử lý để vẽ; vải hồ cứng và các loại vải dệt đã được làm cứng tương tự để làm cốt mũ.	
	5901.10	- Vải dệt được tráng gồm hoặc hồ tinh bột, dùng để bọc ngoài bì sách hoặc các loại tương tự	CC
	5901.90	- Loại khác	CC
59.02		Vải mảnh dùng làm lớp từ sợi có độ bền cao từ ni lông hoặc các polyamit khác, các polyester hoặc viscose rayon.	
	5902.10	- Từ ni lông hoặc từ các polyamit khác	CC
	5902.20	- Từ các polyester	CC
	5902.90	- Loại khác	CC
59.03		Vải dệt đã được ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép với plastic, trừ các loại thuộc nhóm 59.02.	
	5903.10	- Với poly(vinyl clorua)	CC
	5903.20	- Với polyurethan	CC
	5903.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CC
59.04		Vải sơn, đã hoặc chưa cắt thành hình; các loại trái sần có một lớp tráng hoặc phủ gắn trên lớp bồi là vật liệu dệt, đã hoặc chưa cắt thành hình.	
	5904.10	- Vải sơn	CC
	5904.90	- Loại khác	CC
59.05	5905.00	Các loại vải dệt phủ tường.	CC
59.06		Vải dệt cao su hóa, trừ các loại thuộc nhóm 59.02.	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	5906.10	- Bảng dính có chiều rộng không quá 20 cm	RVC(40) hoặc CC
		- Loại khác:	
	5906.91	- - Vải dệt kim hoặc vải móc	CC
	5906.99	- - Loại khác	CC
59.07	5907.00	Các loại vải dệt được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ bằng cách khác; vải canvas được vẽ làm phong cảnh cho rạp hát, phong trường quay hoặc loại tương tự.	CC
59.08	5908.00	Các loại bắc dệt thoi, kết, tết hoặc dệt kim, dùng cho đèn, bếp dầu, bật lửa, nến hoặc loại tương tự; mạng đèn măng xông và các loại vải dệt kim hình ống dùng làm mạng đèn măng xông, đã hoặc chưa ngâm tẩm.	CC
59.09	5909.00	Các loại ống dẫn dệt mềm và các loại ống dệt tương tự có lót hoặc không lót, bọc vỏ cứng hoặc có các phụ kiện từ vật liệu khác.	CC
59.10	5910.00	Băng tải hoặc băng truyền hoặc băng đai, bằng vật liệu dệt, đã hoặc chưa ngâm tẩm, tráng, phủ hoặc ép bằng plastic, hoặc gia cố bằng kim loại hoặc vật liệu khác.	RVC(40) hoặc CC
59.11		Các sản phẩm và mặt hàng dệt, phục vụ cho mục đích kỹ thuật, đã nêu tại Chú giải 8 của Chương này.	
	5911.10	- Vải dệt, phớt và vải dệt thoi lót phớt đã được tráng, phủ, hoặc ép bằng cao su, da thuộc hoặc vật liệu khác, loại sử dụng cho băng kim máy chải, và vải tương tự phục vụ cho mục đích kỹ thuật khác, kể cả vải khổ hẹp làm từ nhung được ngâm tẩm cao su, để bọc các lõi, trục dệt	CC
	5911.20	- Vải dùng để rây sàng (bolting cloth), đã hoặc chưa hoàn thiện	CC
		- Vải dệt và phớt, được dệt vòng liên hoặc kèm theo cơ cấu nối ráp, dùng cho máy sản xuất giấy hoặc các máy tương tự (ví dụ, để chế biến bột giấy hoặc xi măng amiăng):	
	5911.31	- - Định lượng dưới 650 g/m ²	CC
	5911.32	- - Định lượng từ 650 g/m ² trở lên	CC

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	5911.40	- Vải lọc dùng trong ép dầu hoặc loại tương tự, kể cả loại làm từ tóc người	CC
	5911.90	- Loại khác	RVC(40) hoặc CC
CHƯƠNG 60		CÁC LOẠI HÀNG DỆT KIM HOẶC MÓC	
60.01		Vải nổi vòng (pile), kể cả các loại vải "vòng lông dài" (long pile) và khăn lông (terry), dệt kim hoặc móc.	
	6001.10	- Vải "vòng lông dài" (long pile)	CC
		- Vải tạo vòng lông (looped pile):	
	6001.21	- - Từ bông	CC
	6001.22	- - Từ xơ nhân tạo	CC
	6001.29	- - Từ các vật liệu dệt khác	CC
		- Loại khác:	
	6001.91	- - Từ bông	CC
	6001.92	- - Từ xơ nhân tạo	CC
	6001.99	- - Từ các vật liệu dệt khác	CC
60.02		Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng không quá 30 cm, có hàm lượng sợi đàn hồi hoặc sợi cao su chiếm từ 5% trở lên tính theo khối lượng, trừ loại thuộc nhóm 60.01.	
	6002.40	- Có hàm lượng sợi đàn hồi chiếm từ 5% trở lên tính theo khối lượng nhưng không có sợi cao su	CC
	6002.90	- Loại khác	CC
60.03		Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng không quá 30 cm, trừ loại thuộc nhóm 60.01 hoặc 60.02.	
	6003.10	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
	6003.20	- Từ bông	CC
	6003.30	- Từ các xơ tổng hợp	CC
	6003.40	- Từ các xơ tái tạo	CC
	6003.90	- Loại khác	CC
60.04		Vải dệt kim hoặc móc có khổ rộng hơn 30 cm, có hàm lượng sợi đàn hồi hoặc sợi cao su chiếm từ 5% trở lên tính theo khối lượng, trừ các loại thuộc nhóm 60.01.	
	6004.10	- Có hàm lượng sợi đàn hồi chiếm từ 5% trở lên tính theo khối lượng nhưng không bao gồm sợi cao su:	CC

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	6004.90	- Loại khác	CC
60.05		Vải dệt kim đan dọc (kể cả các loại làm trên máy dệt kim dệt dải trang trí), trừ loại thuộc các nhóm 60.01 đến 60.04.	
		- Từ bông:	
	6005.21	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	CC
	6005.22	- - Đã nhuộm	CC
	6005.23	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	CC
	6005.24	- - Đã in	CC
		- Từ xơ tổng hợp:	
	6005.35	- - Các loại vải được chi tiết trong Chú giải phân nhóm 1 Chương này	CC
	6005.36	- - Loại khác, chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	CC
	6005.37	- - Loại khác, đã nhuộm	CC
	6005.38	- - Loại khác, từ các sợi có màu khác nhau	CC
	6005.39	- - Loại khác, đã in	CC
		- Từ xơ tái tạo:	
	6005.41	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	CC
	6005.42	- - Đã nhuộm	CC
	6005.43	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	CC
	6005.44	- - Đã in	CC
	6005.90	- Loại khác	CC
60.06		Vải dệt kim hoặc móc khác.	
	6006.10	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	CC
		- Từ bông:	
	6006.21	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	CC
	6006.22	- - Đã nhuộm	CC
	6006.23	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	CC
	6006.24	- - Đã in	CC
		- Từ xơ sợi tổng hợp:	
	6006.31	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	CC
	6006.32	- - Đã nhuộm	CC
	6006.33	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	CC
	6006.34	- - Đã in	CC
		- Từ xơ tái tạo:	
	6006.41	- - Chưa tẩy trắng hoặc đã tẩy trắng	CC
	6006.42	- - Đã nhuộm	CC
	6006.43	- - Từ các sợi có các màu khác nhau	CC
	6006.44	- - Đã in	CC
	6006.90	- Loại khác	CC

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
CHƯƠNG 61		QUẦN ÁO VÀ HÀNG MAY MẶC PHỤ TRỢ, DỆT KIM HOẶC MÓC	
61.01		Áo khoác dài, áo khoác mặc khi đi xe (car-coat), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc, trừ các loại thuộc nhóm 61.03.	
	6101.20	- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6101.30	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6101.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.02		Áo khoác dài, áo khoác mặc khi đi xe (car-coat), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc, trừ các loại thuộc nhóm 61.04.	
	6102.10	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6102.20	- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nước thành viên hoặc CC
	6102.30	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6102.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.03		Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chên và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc.	
	6103.10	- Bộ com-lê	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Bộ quần áo đồng bộ:	
	6103.22	- - Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6103.23	- - Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6103.29	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Áo jacket và áo blazer:	
	6103.31	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nước thành viên hoặc CC
	6103.32	- - Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6103.33	- - Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6103.39	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc:	
	6103.41	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6103.42	- - Từ bông	RVC(40) hoặc CC
	6103.43	- - Từ sợi tổng hợp	RVC(40) hoặc CC
	6103.49	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.04		Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân, chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc.	
		- Bộ com-lê:	
	6104.13	- - Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nước thành viên hoặc CC
	6104.19	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Bộ quần áo đồng bộ:	
	6104.22	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.23	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.29	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Áo jacket và áo blazer:	
	6104.31	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.32	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.33	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.39	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nước thành viên hoặc CC
		- Váy liền thân:	
	6104.41	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.42	- - Từ bông	RVC(40) hoặc CC
	6104.43	- - Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.44	- - Từ sợi tái tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.49	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Các loại chân váy (skirt) và chân váy dạng quần:	
	6104.51	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.52	- - Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.53	- - Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.59	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc:	
	6104.61	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6104.62	- - Từ bông	RVC(40) hoặc CC
	6104.63	- - Từ sợi tổng hợp	RVC(40) hoặc CC
	6104.69	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.05		Áo sơ mi nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc.	
	6105.10	- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6105.20	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) hoặc CC
	6105.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.06		Áo blouse, sơ mi và sơ mi cách điệu (shirt-blouse), dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc.	
	6106.10	- Từ bông	RVC(40) hoặc CC
	6106.20	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) hoặc CC
	6106.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.07		Quần lót (underpants), quần sịp, áo ngủ, bộ pyjama, áo choàng tắm, áo choàng	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		dài mặc trong nhà và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, dệt kim hoặc móc.	
		- Quần lót (underpants) và quần sịp:	
	6107.11	- - Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6107.12	- - Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6107.19	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Các loại áo ngủ và bộ pyjama:	
	6107.21	- - Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6107.22	- - Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6107.29	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Loại khác:	
	6107.91	- - Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6107.99	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.08		Váy lót, váy lót bông (petticoats), quần xi líp, quần đùi bó, váy ngủ, bộ pyjama, áo ngủ của phụ nữ bằng vải mỏng và trong suốt (negligees), áo choàng tắm, áo choàng dài mặc trong nhà và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, dệt kim hoặc móc.	
		- Váy lót và váy lót bông (petticoats):	
	6108.11	-- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6108.19	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần xi líp và quần đùi bó:	
	6108.21	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6108.22	-- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6108.29	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Váy ngủ và bộ pyjama:	
	6108.31	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6108.32	-- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6108.39	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Loại khác:	
	6108.91	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6108.92	-- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6108.99	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.09		Áo phông, áo ba lỗ (singlet) và các loại áo lót khác, dệt kim hoặc móc.	
	6109.10	- Từ bông	RVC(40) hoặc CC
	6109.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) hoặc CC
61.10		Áo bó, áo chui đầu, áo cardigan, gi-lê và các mặt hàng tương tự, dệt kim hoặc móc.	
		- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn:	
	6110.11	-- Từ lông cừu	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6110.12	-- Cửa dê Ca-sơ-mia (len casomia)	RVC(40) với điều kiện sản

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6110.19	-- Loại khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6110.20	- Từ bông	RVC(40) hoặc CC
	6110.30	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) hoặc CC
	6110.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) hoặc CC
61.11		Quần áo và hàng may mặc phụ trợ dùng cho trẻ em, dệt kim hoặc móc.	
	6111.20	- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6111.30	- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6111.90	- Từ các vật liệu dệt khác:	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.12		Bộ quần áo thể thao, bộ quần áo trượt tuyết và bộ quần áo bơi, dệt kim hoặc móc.	
		- Bộ quần áo thể thao:	
	6112.11	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6112.12	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nước thành viên hoặc CC
	6112.19	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6112.20	- Bộ quần áo trượt tuyết	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần áo bơi cho nam giới hoặc trẻ em trai:	
	6112.31	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6112.39	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần áo bơi cho phụ nữ hoặc trẻ em gái:	
	6112.41	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6112.49	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.13	6113.00	Quần áo được may từ các loại vải dệt kim hoặc móc thuộc nhóm 59.03, 59.06 hoặc 59.07.	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.14		Các loại quần áo khác, dệt kim hoặc móc.	
	6114.20	- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6114.30	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) hoặc CC
	6114.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.15		Quần tất, quần nịt, bít tất dài (trên đầu gối), bít tất ngắn và các loại hàng bít tất dệt kim khác, kể cả nịt chân (ví dụ, dùng cho người giãn tĩnh mạch) và giày, dép không đế, dệt kim hoặc móc.	
	6115.10	- Nịt chân (ví dụ, dùng cho người giãn tĩnh mạch)	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần tất và quần nịt khác:	
	6115.21	- - Từ sợi tổng hợp, có độ mảnh sợi đơn dưới 67 decitex	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6115.22	- - Từ sợi tổng hợp, có độ mảnh sợi đơn từ 67 decitex trở lên	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6115.29	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6115.30	- Tất dài đến đầu gối hoặc trên đầu gối dùng cho phụ nữ, có độ mảnh mỗi sợi đơn dưới 67 decitex	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Loại khác:	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
	6115.94	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6115.95	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6115.96	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6115.99	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.16		Găng tay, găng tay hở ngón và găng bao tay, dệt kim hoặc móc.	
	6116.10	- Được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ hoặc ép với plastic hoặc cao su	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Loại khác:	
	6116.91	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6116.92	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6116.93	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			nước thành viên hoặc CC
	6116.99	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
61.17		Hàng phụ kiện may mặc đã hoàn chỉnh khác, dệt kim hoặc móc; các chi tiết dệt kim hoặc móc của quần áo hoặc của hàng may mặc phụ trợ.	
	6117.10	- Khăn choàng, khăn quàng cổ, khăn choàng rộng đội đầu, khăn choàng vai, mạng che mặt và các loại tương tự	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6117.80	- Các phụ kiện may mặc khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6117.90	- Các chi tiết	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
CHƯƠNG 62		QUẦN ÁO VÀ CÁC HÀNG MAY MẶC PHỤ TRỢ, KHÔNG DỆT KIM HOẶC MÓC	
62.01		Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (car-coats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ trùm (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai, trừ các loại thuộc nhóm 62.03.	
	6201.20	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6201.30	- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6201.40	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6201.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.02		Áo khoác ngoài, áo choàng mặc khi đi xe (car-coats), áo khoác không tay, áo choàng không tay, áo khoác có mũ (kể cả áo jacket trượt tuyết), áo gió, áo jacket chống gió và các loại tương tự, dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái, trừ loại thuộc nhóm 62.04.	
	6202.20	- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6202.30	- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6202.40	- Từ sợi nhân tạo	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6202.90	- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.03		Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, quần dài, quần yếm có	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi), dùng cho nam giới hoặc trẻ em trai.	
		- Bộ com-lê:	
	6203.11	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.12	- - Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.19	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Bộ quần áo đồng bộ:	
	6203.22	- - Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.23	- - Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.29	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Áo jacket và áo blazer:	
	6203.31	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.32	- - Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
			phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.33	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.39	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Quần dài, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc:	
	6203.41	-- Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.42	-- Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.43	-- Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6203.49	-- Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
62.04		Bộ com-lê, bộ quần áo đồng bộ, áo jacket, áo blazer, váy liền thân (1), chân váy (skirt), chân váy dạng quần, quần yếm có dây đeo, quần ống chèn và quần soóc (trừ quần áo bơi) dùng cho phụ nữ hoặc trẻ em gái.	

Mã hàng (HS 2022)		Mô tả hàng hoá	Quy tắc cụ thể mặt hàng
Nhóm	Phân nhóm		
		- Bộ com-lê:	
	6204.11	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.12	- - Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.13	- - Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.19	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
		- Bộ quần áo đồng bộ:	
	6204.21	- - Từ lông cừu hoặc lông động vật loại mịn	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.22	- - Từ bông	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.23	- - Từ sợi tổng hợp	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC
	6204.29	- - Từ các vật liệu dệt khác	RVC(40) với điều kiện sản phẩm được cắt hoặc kết thành hình và ráp tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên hoặc CC